

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XM
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 98/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 17/9/2020.

V/v “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nga.

2. Bà Đoàn Thị Mến.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Kim Thùy – Thư ký tòa án nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa:** Ông Đỗ Đình Luyện – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện XM xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 654/2019/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2019 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2020/QĐXXST – HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 72/2020/QĐST- HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Cao Mỹ Như M, sinh năm: 1989 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

HKTT: KP. PT, thị trấn PB, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Nơi ở: Đường HV, khu phố PL, thị trấn PB, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Bị đơn: Ông Nguyễn Quốc C, sinh năm: 1988 (vắng mặt).

HKTT: KP. PH, thị trấn PB, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Nơi ở: Ấp TS 2A, xã PT, huyện XM, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 07/10/2019 bản khai và các biên bản làm việc tiếp theo tại Tòa án nguyên đơn – Bà Cao Mỹ Như M trình bày:

Bà Cao Mỹ Như M xây dựng gia đình với ông Nguyễn Quốc C vào năm 2008 nhưng đến năm 2010 mới đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn PB, huyện XM, tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu, hôn nhân là trên cơ sở tự nguyện. Cuộc sống chung giữa bà M và ông C hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bà M và ông C không hợp nhau về tính tình về lối sống nên

thường phát sinh cãi vã, đôi khi xảy ra xô sát. Bà M và ông C đã cố gắng giải quyết những mâu thuẫn của vợ chồng nhưng tình hình vẫn không có gì thay đổi. Bà M và ông C ly thân từ năm 2019 đến nay, không còn quan hệ qua lại gì về mặt tình cảm cũng như kinh tế. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà M yêu cầu được ly hôn với ông C.

Về con chung: Bà M và ông C có 01 con chung tên Nguyễn Minh Ngọc C, sinh ngày 01/02/2009, hiện đang sống với bà M. Bà M yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Bà M không yêu cầu ông C phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà M và ông C không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản khai, biên bản làm việc bị đơn ông Nguyễn Quốc C trình bày:

Về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh kết hôn như bà M trình bày là đúng ông C không bổ sung gì thêm. Cuộc sống chung giữ ông C và bà M hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông C có quan hệ tình cảm với người khác, từ đó vợ chồng xảy ra cãi vã, việc này ông C thấy có lỗi với bà M. Từ tháng 10/2019 đến nay thì ông C và bà M không còn sống chung trong một nhà. Nay theo yêu cầu ly hôn của bà M thì ông C không đồng ý ly hôn, vì ông C còn tình cảm với bà M, ông C muốn vợ chồng đoàn tụ chung sống.

Về con chung: Ông C và bà M có 01 con chung tên Nguyễn M Ngọc C, sinh ngày 01/02/2009, hiện đang sống với bà M. Trường hợp bà M nhất quyết ly hôn và được Tòa án giải quyết cho ly hôn thì về con chung, ông C yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Ông C không yêu cầu bà M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông C và bà M không có tài sản chung và nợ chung.

Sau đó Tòa án đã triệu tập ông Nguyễn Quốc C đến tham gia hòa giải nhiều lần nhưng ông C vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tại các phiên tòa ông C điều vắng mặt không có lý do.

Phát biểu quan điểm của Kiểm sát viên: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng trình tự, thủ tục tố tụng được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của đương sự, nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình còn bị đơn vắng mặt tại các buổi làm việc trước đây cũng như tại các phiên tòa là chưa chấp hành đúng pháp luật. Tuy nhiên vụ án còn để kéo dài quá thời hạn xét xử nhưng không có quyết định gia hạn là còn thiếu sót nhưng không gây ảnh hưởng lớn đến nội dung vụ án đề nghị Tòa án rút kinh nghiệm.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu ly hôn và giải quyết con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Quan hệ tranh chấp: Bà Cao Mỹ Như M yêu cầu ly hôn, giải quyết con

chung với ông Nguyễn Quốc C đây là quan hệ pháp luật ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định tại Khoản 1, Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn ông Nguyễn Quốc C có nơi cư trú tại địa bàn huyện XM theo điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Trong quá trình tham gia tố tụng, bà Cao Mỹ Như M có đơn xin vắng mặt, ông Nguyễn Quốc C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông C vắng mặt không có lý do. Vì vậy việc xét xử vắng mặt bà M, ông C là phù hợp với quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Bà M và ông C xây dựng gia đình vào năm 2008 nhưng đến năm 2010 mới đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 120 ngày 09/7/2010 tại UBND thị trấn PB, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu), xét đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh kết hôn và về mâu thuẫn vợ chồng bà M và ông C trình bày là thống nhất do vợ chồng bất đồng quan điểm nên thường phát sinh cãi vã, từ năm 2019 đến nay bà M và ông C ly thân không còn quan hệ qua lại gì về mặt tình cảm cũng như kinh tế. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà M yêu cầu được ly hôn với ông C, ông C không đồng ý ly hôn do còn tình cảm với bà M.

Kết quả xác M tại địa phương: Do bà M và ông C không hòa giải ở cơ sở nên địa phương không nắm được nguyên nhân mâu thuẫn giữa bà M và ông C nhưng bà M và ông C hiện tại không sống chung với nhau là phù hợp với lời trình bày của bà M và ông C.

Xét yêu cầu của bà M cho thấy sau khi mâu thuẫn xảy ra, lẽ ra bà M và ông C phải cùng tìm cách khắc phục những mâu thuẫn của vợ chồng để cuộc sống chung được hạnh phúc, nhưng từ năm 2019 đến nay bà M và ông C ly thân, mạnh ai nấy sống, vợ chồng không quan tâm gì đến nhau. Ông C cho rằng vẫn còn thương yêu bà M và mong muốn Tòa án hòa giải cho đoàn tụ. Tuy ông C yêu cầu đoàn tụ gia đình nhưng ông C không có biện pháp nào để khắc phục mâu thuẫn, Tòa án đã hòa giải nhiều lần với mục đích bà M và ông C trở về đoàn tụ chung sống nhưng bà M vẫn nhất quyết xin ly hôn.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy, tình cảm vợ chồng của bà M và ông C thật sự không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng đời sống chung không thể kéo dài mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà M đối với ông C.

[3] Về con chung: Bà M và ông C có 01 con chung tên Nguyễn Minh Ngọc C, sinh ngày 01/02/2009, hiện đang sống với bà M. Bà M và ông C đều có yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung, ông C được Tòa án mời đến Tòa nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt cho thấy ông C tự từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Xét nguyện vọng của cháu C cho thấy, cháu có nguyện

vọng được ở với bà M và bà M có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu C, hơn nữa cháu C là con gái, đang ở độ tuổi phát triển về tâm, sinh lý nên rất cần sự quan tâm chăm sóc của người mẹ. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào thực tế và các quy định của Luật hôn nhân và gia đình, để tránh xáo trộn cuộc sống của con chung, giao cháu C cho bà M được quyền trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Bà M không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà M và ông C đều xác nhận là không có tài sản chung và nợ chung.

[5] Về án phí: Áp dụng Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bà M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của bà Cao Mỹ Như M đối với ông Nguyễn Quốc C.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Cao Mỹ Như M được ly hôn với ông Nguyễn Quốc C.

2. Về con chung: Bà M và ông C có 01 con chung tên Nguyễn Minh Ngọc C, sinh ngày 01/02/2009. Bà Cao Mỹ Như M được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Ông Nguyễn Quốc C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Quốc C có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích mọi mặt của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà M và ông C không có tài sản chung và nợ chung.

4. Về án phí: Bà Cao Mỹ Như M phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà M đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001533 ngày 06/12/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Bà M đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn

15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND huyện XM;
- Chi cục THADS huyện XM;
- UBND thị trấn PB;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Thảo